

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/5/2021.

V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn và
tranh chấp nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Lệ**.
2. Ông: **Nguyễn Quốc Tiến**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá* tham gia phiên tòa: Bà **Đông Thanh Lam** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 339, khu phố 4, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư **Đương Thùy L** – Văn phòng Luật sư Bùi Điệp và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

* Bị đơn: Ông **Đặng Văn B**, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 339, khu phố 4, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà M và ông Đặng Văn B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/5/2015.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống, giữa bà M và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên cự cãi nhau, tính tình không phù hợp, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm và không quan tâm nhau, ông B nhiều lần có hành vi bạo lực đối với bà M. Bà M và ông B đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được và đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Nay thấy rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà M xác nhận giữa bà và ông B quá trình chung sống có 01 (một) người con chung tên Đặng Anh K, sinh ngày 24/5/2015, hiện nay đang do bà M chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác nhận giữa bà và ông B không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M xác định vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

** Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Dương Thùy L trình bày:*

Từ các lý do như bà Nguyễn Thị M đã trình bày như trên, xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Đặng Văn B không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông B. Đồng thời, ông B thường xuyên vắng nhà, cuộc sống hàng ngày thiếu sự quan tâm đến vợ con, con chung giữa bà M và ông B là cháu Đặng Anh K hiện do bà M nuôi dưỡng và chăm sóc từ nhỏ cho đến nay, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị giao cháu K cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng.

** Bị đơn ông Đặng Văn B vắng mặt tại phiên tòa.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo như Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông Đặng Văn B và giao con chung tên Đặng Anh K, sinh ngày 24/5/2015, cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn với ông Đặng Văn B có địa chỉ ở số 339, khu phố 4, phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Đặng Văn B đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông B là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị M và ông Đặng Văn B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2015, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà M khởi kiện xin ly hôn vì lý do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Đặng Văn B đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông B vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do bà M cung cấp. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông B đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông B vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà M xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn với ông Đặng Văn B của bà Nguyễn Thị M.

[4] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị M xác nhận giữa bà và ông B có 01 (một) người con chung tên Đặng Anh K, sinh ngày 24/5/2015, hiện nay đang do bà M chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Đặng Anh K là nữ, hiện đang sống cùng với bà M và do bà M chăm sóc, nên cần thiết giao cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị M.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị M xác định giữa bà và ông Đặng Văn B không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Dương Thùy L là hợp lý và đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận các đề nghị nêu trên.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Đặng Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Anh K, sinh ngày 24/5/2015 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông Đặng Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, nếu bà Nguyễn Thị M gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn B cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trường hợp bà M không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Đặng Văn B được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông B thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M xác nhận giữa bà và ông Đặng Văn B không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu ông Đặng Văn B có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001006 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh